TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN VŨNG LIÊM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-08-2020.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Tứ Hải.**
2. Ông **Nguyễn Văn Móm Em.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa. Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 08 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm: 1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2.Bị đơn: anh **Nguyễn Văn D**- sinh năm: 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 06 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 2000, chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do quen biết, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận nhưng không có đăng ký kết hôn .

Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cải, không hợp tính tình, bất đồng quan

điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị Đ và anh D sống ly thân nhau năm 2017 cho đến nay.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí Nh, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/08/2009 hiện đang sống với anh D. Hiện cháu Nguyễn Chí N đã thành niên nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Minh P thì tùy theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Vào năm 2000 anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do quen biết, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận, nhưng không có đăng ký kết hôn .

Sau ngày cưới anh chị sống tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị Đ đi làm thuê tại thành phố Đà Lạt, anh D nghi ngờ chị Đ có người đàn ông khác, anh có ghen tuông nên đánh chị Đ, anh có khuyên chị Đ nhiều lần nhưng chị không sửa đổi mà bỏ đi. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu cuối năm 2019 cho đến nay, nay anh Nguyễn Văn D đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ .

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/08/2009 hiện đang sống với anh D. Hiện cháu Nguyễn Chí N đã thành niên nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Minh P có nguyện vọng muốn được sống với anh D thì anh D đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Anh D không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/08/2009 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã nộp: Giấy khai sinh con (bản sao); Đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (bản chính); Giấy ra viện (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Chị Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã H xác nhận chị Đ và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16/01/2000 đến ngày 13/12/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Nghĩa, anh D và chị Đ đều thừa nhận sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại xã H cho đến nay nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Do vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, anh D và chị Đ đều thừa nhận vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gia đình dẫn đến ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D có hai người con chung là cháu Nguyễn Chí N - sinh ngày 15/12/2001 và cháu Nguyễn Minh P - sinh ngày 17/08/2009 hiện đang sống với anh D. Hiện cháu Nguyễn Chí N đã thành niên nên chị Đ và anh D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Minh P có nguyện vọng muốn được sống với anh D nếu cha mẹ ly hôn, anh D và chị Đ đều thống nhất theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng.

Xét thấy, để bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ, được quyền tự do phát biểu quan điểm sẽ giúp con nói lên tâm tư nguyện vọng của mình và là căn cứ giúp trẻ tìm được người trực tiếp nuôi thích hợp, bảo đảm sự trưởng thành của trẻ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu Phước cần giao cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ phải thu, phải trả: chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Nguyễn Văn D.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D .

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D có hai người con chung là cháu Nguyễn Chí N - sinh ngày 15/12/2001 và cháu Nguyễn Minh P - sinh ngày 17/08/2009. Hiện cháu Nguyễn Chí N đã thành niên nên chị Để và anh D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Minh P - sinh ngày 17/08/2009 cho anh Nguyễn Văn D được trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ phải thu, phải trả:

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) về việc giải quyết hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008288 ngày 17/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị đơn báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn